

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 817/TTr-STNMT ngày 21/10/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2016 và bãi bỏ các Quyết định số 46/2010/QĐ-UB ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định 02/2014/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định 46/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Mai Hùng Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này Quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng điều chỉnh:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP), bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Việc áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2014/NĐ-CP) thực hiện theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các điều kiện về tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành, thời gian hoàn thành công trình kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất

1. Trình tự thủ tục Cơ quan thuế ban hành Quyết định tạm miễn, giảm tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

a) Đối với hồ sơ đề nghị tạm miễn, giảm tiền thuê đất đồng thời với việc lập thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường được thực hiện theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm định chủ trương đầu tư, nhu cầu sử dụng đất và điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất; các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với hồ sơ đề nghị tạm miễn, giảm tiền thuê đất không đồng thời với việc lập thủ tục thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

- Trình tự thực hiện: Cơ sở xã hội hóa nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống Bưu Chính tại Cơ quan Thuế.

+ Trường hợp hồ sơ tạm miễn thuế, giảm thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế: cán bộ công chức quản lý thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ cán bộ công chức quản lý thuế có văn bản hướng dẫn các loại hồ sơ mà cơ sở xã hội hóa cần bổ sung, hoàn thiện.

+ Trường hợp hồ sơ tạm miễn thuế, giảm thuế được nộp bằng đường bưu chính, công chức quản lý thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ Cơ quan thuế có văn bản thông báo cho cơ sở xã hội hóa bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị tạm miễn, giảm tiền thuê đất, ghi rõ: Diện tích đất thuê, thời hạn thuê đất; lý do miễn, giảm và thời hạn miễn, giảm tiền thuê đất theo mẫu 01/MGTH được ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ (Thông tư số 156/2013/TT-BTC).

+ Tờ khai tiền thuê đất theo mẫu 01/TMĐN được ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Bản sao Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ trường hợp miễn, giảm tiền thuê đất mà đối tượng xét miễn, giảm không phải là dự án đầu tư thì trong hồ sơ không cần có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

+ Bản sao Quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; Bản chính Hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp đã được Nhà nước cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất).

+ Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trong trường hợp dự án đầu tư phải được cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi vào Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án thuộc diện không phải đăng ký đầu tư nhưng nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư.

+ Văn bản cam kết của chủ đầu tư về việc đáp ứng các quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa tại Điều 2 của Quy định này.

- Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thuế ra quyết định tạm miễn, giảm tiền thuê đất hoặc thông báo cho người thuê đất biết lý do không thuộc diện được tạm miễn, giảm. Quyết định tạm miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo mẫu quy định được ban hành kèm theo Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Trình tự thủ tục Cơ quan thuế ban hành Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chính thức đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

a) Trình tự thực hiện: Sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động đáp ứng điều kiện theo Điều 2 của Quy định này, cơ sở xã hội hóa gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thuế để thông báo dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động để cơ quan thuế xem xét ra quyết định miễn, giảm tiền thuê đất chính thức.

- Trường hợp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế: Cán bộ công chức quản lý thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ cán bộ công chức quản lý thuế có văn bản hướng dẫn các loại hồ sơ mà cơ sở xã hội hóa cần bổ sung, hoàn thiện.

- Trường hợp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế được nộp bằng đường bưu chính, công chức quản lý thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ Cơ quan thuế có văn bản thông báo cho cơ sở xã hội hóa bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc thông báo dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động.

- Hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

c) Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành và các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Trường hợp sau khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra và xác định cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng điều kiện tại Điều 2 của Quy định này thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp tiền thuê đất đã được tạm miễn, giảm theo chính sách và giá đất tại thời điểm được hưởng ưu đãi về đất quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 của quy định này và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 4. Miễn, giảm tiền thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất tùy theo khu vực như sau:

- Đối với các xã, thị trấn: Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất.
- Đối với địa bàn các phường: Số năm miễn tiền thuê đất được tính bằng 50% thời gian thuê đất.

2. Việc miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai kể từ thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có quyết định chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Cơ quan thuế ban hành quyết định tạm miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của quy định này tại thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với các trường hợp được Nhà nước cho thuê đất kể từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được miễn, giảm tiền thuê đất hoặc mức miễn, giảm tiền thuê đất thấp hơn mức miễn, giảm tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định này thì áp dụng mức miễn, giảm theo Quy định này.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng: Phối hợp với Cục thuế trong việc kiểm tra đáp ứng các điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở xã hội hóa.

2. Sở Tài chính:

a) Triển khai tuyên truyền, phổ biến các chính sách liên quan đến chế độ xã hội hóa;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện xã hội hóa, cũng như những khó khăn vướng mắc để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp.

c) Phối hợp với Cục thuế trong việc kiểm tra đáp ứng các điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở xã hội hóa.

3. Cục thuế:

a) Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và loại hình dự án xã hội hóa, cơ quan thuế quản lý trực tiếp chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn tại danh mục do Thủ tướng Chính phủ quyết định của cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định. Trường hợp phát hiện, cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bãi bỏ các ưu đãi theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa lập hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

c) Ban hành quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Công bố công khai quy định về hướng dẫn ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Hướng dẫn cơ sở xã hội hóa lập hồ sơ thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất.

c) Phối hợp với Cục thuế trong việc kiểm tra đáp ứng các điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở xã hội hóa.

5. Các Sở, ngành quản lý chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hoá và thông báo công khai, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Định kỳ hàng quý và hàng năm lập báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa, cũng như những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách miễn, giảm tiền thuê đất về Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

c) Phối hợp với Cục thuế trong việc kiểm tra đáp ứng các điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở xã hội hóa.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo:

a) Công bố công khai quy định về hướng dẫn ưu đãi trong lĩnh vực đất đai đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Phối hợp với Cục thuế trong việc kiểm tra đáp ứng các điều kiện miễn, giảm tiền thuê đất của cơ sở xã hội hóa.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Thực hiện đúng cam kết về việc đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động nhưng không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô tiêu chuẩn xã hội hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ như đã cam kết thì cơ sở xã hội hóa phải nộp lại số tiền thuê đất đã được miễn, giảm theo chính sách và giá đất tại thời điểm được hưởng ưu đãi và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa được quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP; Thông tư số 135/2008/TT-BTC, Thông tư số 156/2014/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc trong lĩnh vực nào thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về các Sở, ngành quản lý lĩnh vực đó phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
Đã ký: Mai Hùng Dũng